VN-Index bật tăng mạnh lấy lại đường SMA20 hỗ trợ bởi thông tin vĩ mô tích cực

Thứ Tư, Ngày 4 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,733.02	1,862.07	257.88	122.61
▲ +33.40 (+1.97%)	▲ +46.47 (+2.56%)	▲ +6.46 (+2.57%)	▲ +0.56 (+0.46%)
GTKL (TỶ): 15,311	GTKL (TỶ): 8,005	GTKL (TỶ): 1,012	GTKL (TỶ): 385
SO TB20: +23.3%	SO TB20: +12.6%	SO TB20: +48.3%	SO TB20: -17.1%
NN (TỶ): -66.3	NN (TỶ): +47.3	NN (TỶ): +7.3	NN (TỶ): -11.3

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng hơn 33 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa kết phiên tại mức 1733.02 điểm (+1.97%) so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm trong đó ngành Công nghệ thông tin dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính và Hàng và Dịch vụ công nghiệp. Nhịp tăng hôm nay được hỗ trợ bởi các thông tin vĩ mô trong và ngoài nước: Ngân hàng Nhà nước phát tín hiệu ổn định thanh khoản thị trường liên ngân hàng thông qua nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ (FX swap); và diễn biến bầu cử giữa nhiệm kỳ tại Mỹ nghiêng về khả năng đảng Dân chủ giành quyền kiểm soát Quốc hội, qua đó kỳ vọng CSTK siêu mở rộng của TTg Trump sẽ bị hạn chế, giảm bớt áp lực lạm phát và chu kỳ tăng lãi suất. Về kỹ thuật, VN-Index hình thành cây nến tăng thân dài với thanh khoản cải thiện, xác nhận nhịp nảy phục hồi khi vượt qua ngưỡng SMA20. Trong những phiên tới, thị trường có thể theo quán tính tăng lên kiểm định vùng kháng cự SMA10 quanh 1,747 điểm, xa hơn là SMA50 quanh 1,771 điểm. Tuy nhiên, chỉ số mới chỉ đóng cửa nhỉnh hơn SMA20; nhà đầu tư cần theo dõi khả năng giữ vững ngưỡng này để đánh giá tính bền vững của nhịp hồi phục.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 tăng cùng chiều vận động của chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 04/11/2026, hầu hết các chứng quyền đều tăng, đồng pha với xu hướng tăng các cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn

- VN-Index **+33.40** điểm, đóng cửa tại 1,733.02 điểm. HNX-Index **+6.46** điểm, đóng cửa tại 257.88 điểm. UPCoM-Index **+0.56** điểm, đóng cửa tại 122.61 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VCB (**+2.25**), VHM (**+2.21**), VPB (**+1.96**), CTG (**+1.61**), FPT (**+1.36**).
- Kéo chỉ số giảm: STG (**-0.05**), DHG (**-0.02**), DMC (**-0.02**), SGN (**-0.02**), FDC (**-0.01**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 15,311 tỷ đồng, tăng 45.87% so với phiên trước và cao hơn 23.3% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 18,001 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 45.8 điểm. Sàn HOSE có 264 mã tăng (14 mã trần), 67 mã tham chiếu, 71 mã giảm (3 mã sàn).
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-66.30** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm MBB (**-198.41** tỷ), ACB (**-93.30** tỷ), BSR (**-82.71** tỷ), DXG (**-74.15** tỷ), HDB (**-68.45** tỷ). Đây là phiên bán ròng thứ 9 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-122,998** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **+7.28** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-11.28** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
FPT	183.20	MBB	-198.41
MSN	174.66	ACB	-93.30
CTG	82.21	BSR	-82.71
HPG	53.94	DXG	-74.15
VND	39.71	HDB	-68.45

HOSE luỹ kế năm: **-122,998** tỷ 9 phiên bán ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,569	+0.36%	-1.99%
FTSE100	10,720	+0.77%	+0.24%
Eurostoxx	6,232	+1.27%	+1.03%
Shanghai	3,686	+2.16%	+0.13%
Nikkei	62,189	-1.42%	-1.71%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	102.70	-0.87%	-10.94%
Giá vàng	4,044	+2.91%	-0.58%
USD/VND	25,724	-0.15%	-0.49%
EUR/VND	28,969	+0.48%	+0.49%
JPY/VND	162	+0.13%	-0.78%
VN LS TPCP 10Y	4.46%	-0.2 bps	-0.2 bps
VN LS LNH 1M	5.72%	+37.5 bps	+102.5 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VCB	54.80	+2.43%	+2.25	5.08
VHM	63.20	+2.10%	+2.21	4.96
VPB	22.15	+4.48%	+1.96	23.28
CTG	31.05	+3.33%	+1.61	11.82
FPT	53.90	+6.94%	+1.36	13.48

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
STG	32.05	-6.97%	-0.05	0.00
DHG	83.00	-0.95%	-0.02	0.02
DMC	53.40	-4.81%	-0.02	0.00
SGN	60.10	-3.84%	-0.02	0.02
FDC	24.20	-6.92%	-0.01	0.00

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
NVB	15.60	+6.12%	+1.45	2.00
SHS	13.20	+7.32%	+0.89	23.35
IDC	35.30	+6.33%	+0.75	1.08
KSF	69.80	+2.20%	+0.66	0.10
THD	92.00	+1.32%	+0.57	0.01

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
PGS	77.80	-2.75%	-0.09	0.00
DHT	49.40	-1.00%	-0.03	0.00
TIG	5.00	-1.96%	-0.02	2.23
S55	59.40	-10.00%	-0.02	0.00
SLS	127.00	-1.85%	-0.01	0.00

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
FPT	53.90	+6.94%	+9.14	13.48
MSN	72.30	+4.18%	+4.14	5.29
MWG	74.50	+3.04%	+3.97	3.54
HPG	21.70	+2.12%	+3.72	38.88
VPB	22.15	+4.48%	+3.66	23.28

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
DGC	33.45	+1.83%	0.00	–
TPB	12.75	+2.00%	0.00	–
PLX	33.50	+1.52%	0.00	–
VIC	234.00	0.00%	0.00	1.51
GAS	75.60	+0.27%	+0.04	0.60

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
TCO	9.95	+6.99%	0.17
TCX	28.35	+6.98%	7.50
PIT	7.22	+6.96%	0.00
CTS	23.05	+6.96%	4.24
SAM	6.61	+6.96%	0.60

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
STG	32.05	-6.97%	0.00
DVV	44.95	-6.94%	0.13
COM	32.90	-6.93%	0.00
FDC	24.20	-6.92%	0.00
TNC	27.40	-6.48%	0.00

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
CAR	106.80	+9.99%	0.00
SEB	40.00	+9.89%	0.00
NAP	9.10	+9.64%	0.00
HDA	10.30	+9.57%	0.41
D11	13.90	+9.45%	0.05

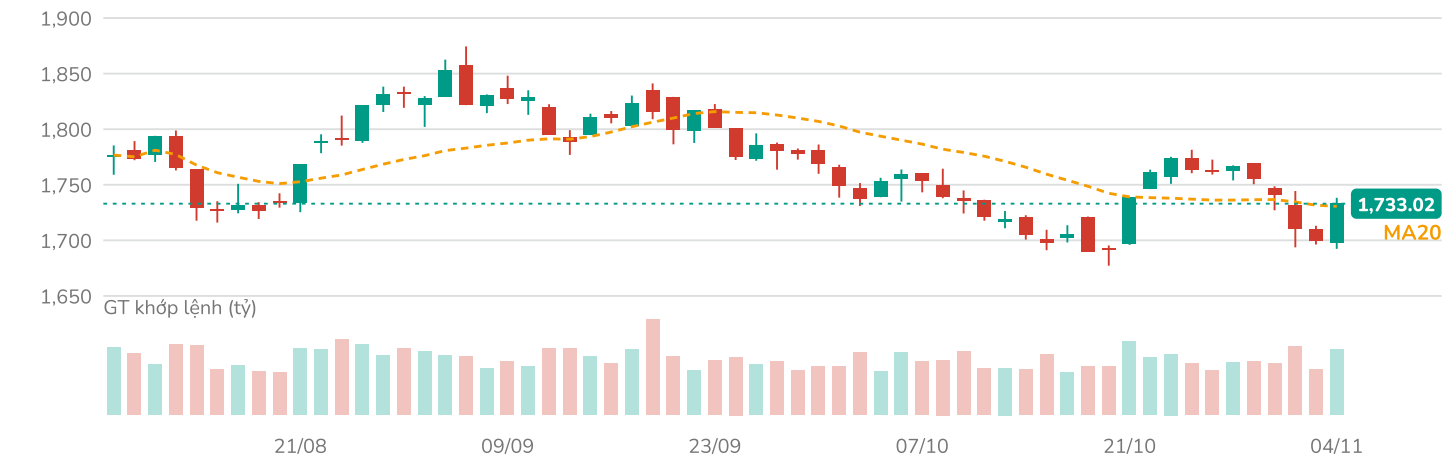
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
S55	59.40	-10.00%	0.00
CAN	20.40	-9.73%	0.00
QST	22.60	-9.60%	0.00
MKV	10.70	-9.32%	0.01
PPT	4.90	-9.26%	1.74

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

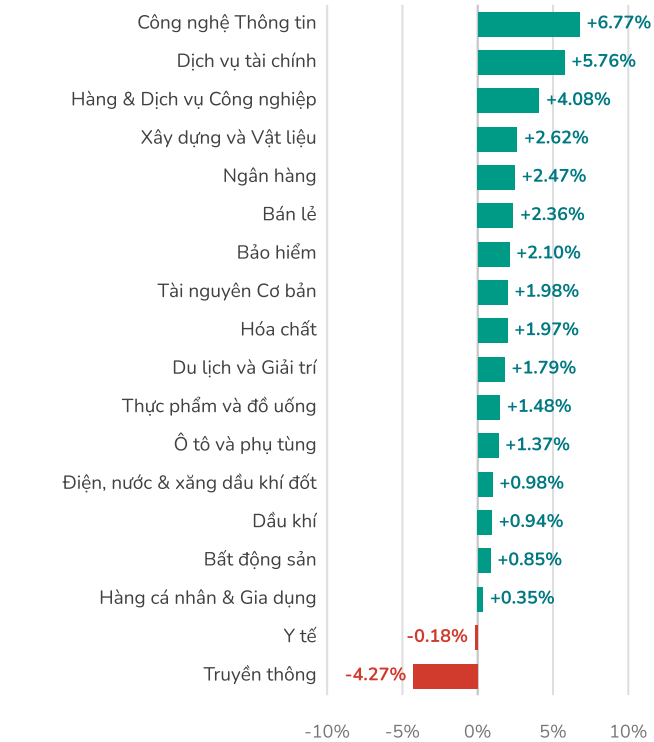
Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



MA20 = 1,730.58 TB20 GT khớp lệnh: 12,421 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2



Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

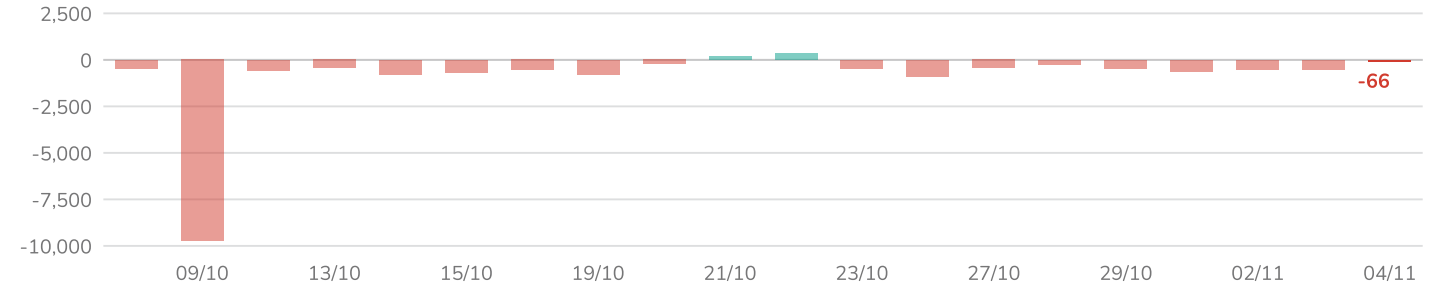
Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Thực phẩm và đồ uống	+1.48%	948	193.4
Công nghệ Thông tin	+6.77%	724	182.5
Dịch vụ tài chính	+5.76%	3,574	79.6
Tài nguyên Cơ bản	+1.98%	1,135	48.9
Bảo hiểm	+2.10%	62	17.6
Du lịch và Giải trí	+1.79%	266	-25.4
Dầu khí	+0.94%	427	-68.8
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	+4.08%	1,371	-88.9
Bất động sản	+0.85%	2,516	-119.7
Ngân hàng	+2.47%	5,062	-311.6

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	+2.56%	9,105	47.3
VNMID	+3.51%	7,616	-115.3
VNSML	+1.96%	981	2.5

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **+2.99%**. Các mã diễn biến tích cực: FPT (+6.94%), VCI (+6.86%), SSI (+6.53%).
- BSC50 **+3.28%**. Các mã diễn biến tích cực: MBS (+7.33%), HDC (+6.78%), SZC (+6.75%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	+2.99%	+3.28%	+1.97%	+2.56%
1 tuần	-1.09%	-1.54%	-1.90%	-1.49%
1 tháng	+0.41%	+0.80%	-1.16%	-1.70%
3 tháng	-0.70%	-2.07%	-2.45%	-2.86%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	74.5	+3.04%	1.0	109,939	259.5	7,556	9.9	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	27.1	+3.05%	1.1	25,474	49.2	1,859	14.6	42.4	6.1%	Link
KDH	Bất động sản	13.8	+6.15%	0.9	17,185	160.5	1,375	10.0	39.9	23.0%	Link
PDR	Bất động sản	11.5	+4.07%	1.0	11,475	81.6	540	21.3	28.2	6.9%	Link
VHM	Bất động sản	63.2	+2.10%	1.7	519,177	310.1	12,039	5.2	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	53.9	+6.94%	0.6	101,641	709.2	5,479	9.8	124.4	26.6%	Link
BSR	Dầu khí	26.5	+0.76%	–	132,693	314.9	5,584	4.8	–	1.5%	Link
PVS	Dầu khí	30.3	+1.68%	0.9	18,595	49.8	3,417	8.9	52.3	15.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.2	+2.75%	1.0	33,270	249.4	1,065	22.8	–	34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	20.4	+6.53%	1.1	61,227	945.4	1,554	13.1	–	29.7%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	20.2	+6.86%	0.9	23,333	438.4	1,249	16.2	–	14.6%	Link
DCM	Hóa chất	33.0	+1.07%	0.4	17,470	75.0	5,132	6.4	53.3	7.3%	Link
DGC	Hóa chất	33.5	+1.83%	0.7	12,704	12.9	4,883	6.8	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	20.5	+1.23%	0.6	118,991	280.0	2,773	7.4	27.1	22.2%	Link
BID	Ngân hàng	32.5	+2.37%	0.9	252,404	141.7	4,524	7.2	–	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	31.1	+3.33%	0.9	241,164	363.9	5,479	5.7	53.5	24.5%	Link
HDB	Ngân hàng	22.2	+1.83%	1.0	144,452	344.5	2,932	7.6	32.7	19.3%	Link
MBB	Ngân hàng	19.2	+1.85%	0.8	193,823	387.5	3,507	5.5	32.4	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	16.4	+1.54%	0.7	61,589	415.6	1,673	9.8	14.0	6.2%	Link
STB	Ngân hàng	67.7	+1.65%	0.7	127,629	256.1	809	83.7	–	10.3%	Link
TCB	Ngân hàng	21.9	+2.10%	1.1	232,252	415.7	2,694	8.1	43.5	20.7%	Link
TPB	Ngân hàng	12.8	+2.00%	0.9	40,674	262.2	2,649	4.8	–	21.7%	Link
VCB	Ngân hàng	54.8	+2.43%	0.8	457,891	276.6	4,986	11.0	–	19.9%	Link
VIB	Ngân hàng	14.2	+2.52%	0.7	53,229	153.0	2,071	6.9	23.0	4.0%	Link
VPB	Ngân hàng	22.1	+4.48%	1.2	221,500	499.5	3,118	7.1	36.5	22.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	15.8	+3.62%	0.8	6,789	56.3	2,348	6.7	28.8	1.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	72.3	+4.18%	1.0	105,585	376.9	6,243	11.6	100.4	24.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.4	+1.95%	0.4	119,963	205.8	5,455	10.5	78.0	49.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.7	+2.12%	0.7	183,212	835.8	3,251	6.7	32.2	21.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	11.1	+3.74%	0.9	8,961	42.5	772	14.4	14.3	3.3%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	39.9	+3.78%	1.0	8,901	46.6	4,269	9.3	28.6%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	144.0	+4.12%	0.8	25,749	36.4	7,598	18.9	33.8%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	63.8	+2.24%	0.7	47,360	60.4	4,560	14.0	27.4%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.0	+5.26%	1.0	8,442	88.0	776	12.9	2.5%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	10.6	+6.57%	1.1	13,379	487.9	92	115.2	14.9%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	12.6	+6.78%	1.0	2,894	64.4	690	18.3	1.8%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	35.3	+6.33%	0.8	14,736	37.2	4,365	8.1	15.1%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	22.0	+5.26%	0.8	10,672	54.6	1,026	21.4	35.3%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	49.0	+2.30%	0.8	11,864	3.0	5,778	8.5	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	20.6	+6.75%	1.0	3,699	33.2	891	23.1	1.3%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	12.8	+6.69%	1.0	12,792	269.2	793	16.1	9.7%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	234.0	0.00%	1.4	1,816,352	354.1	5,557	42.1	3.0%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	24.2	+4.54%	1.5	54,990	65.6	3,255	7.4	11.1%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	18.4	+5.43%	0.8	4,297	5.7	1,687	10.9	35.6%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	134.4	+1.66%	0.8	103,366	152.6	2,866	46.9	5.2%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	33.5	+1.52%	0.8	43,345	64.3	3,022	11.1	14.3%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	17.6	+0.86%	0.8	16,328	48.8	976	18.0	8.2%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	19.6	+5.11%	0.9	7,447	30.3	1,054	18.5	24.7%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	16.1	+7.33%	0.9	16,115	133.7	1,562	10.3	0.4%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.7	+5.58%	1.6	29,702	255.5	762	29.8	5.9%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.7	+4.02%	0.9	33,571	553.5	4,184	12.4	38.3%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.8	+5.63%	0.8	9,362	102.2	6,594	7.4	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.0	+0.96%	0.7	10,855	87.5	2,977	7.0	16.2%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47.2	+4.30%	0.7	9,539	26.9	2,174	21.7	3.9%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.8	0.00%	1.4	7,548	159.7	3,302	4.5	26.5%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.9	+1.70%	0.8	1,759	14.0	1,741	8.6	48.1%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.3	+1.10%	0.7	2,356	11.5	3,692	5.0	22.4%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	19.8	+2.86%	0.5	13,463	47.3	2,320	8.5	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	30.2	+2.03%	1.6	120,800	40.6	2,111	14.3	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	16.6	+3.12%	1.2	30,828	144.2	103	161.3	0.9%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	36.3	+4.61%	0.6	108,438	498.8	4,048	9.0	1.4%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.7	+0.40%	0.5	27,309	29.4	2,365	5.3	1.0%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.7	+0.94%	0.6	32,769	31.6	1,482	7.2	18.9%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.2	+2.07%	1.0	4,593	16.7	2,961	5.8	1.7%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.9	+0.49%	0.5	12,546	90.4	253	122.5	3.1%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.4	+0.95%	0.3	54,317	27.3	3,623	11.7	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	49.2	+2.50%	0.7	10,316	15.6	5,503	8.9	17.5%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.5	+3.31%	0.9	6,154	148.6	494	25.3	5.1%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	137.5	+1.63%	0.5	11,256	13.4	15,292	9.0	82.0%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	68.0	+3.82%	0.8	7,604	54.6	7,145	9.5	46.8%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	68.3	+4.12%	0.7	8,750	16.9	5,223	13.1	5.4%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	32.0	+3.56%	0.7	3,795	37.1	3,735	8.6	18.5%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.6	+3.67%	0.8	5,521	35.1	1,241	7.7	10.1%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	16.2	+1.88%	0.8	7,686	10.8	2,352	6.9	8.3%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.6	+2.63%	0.7	10,892	117.4	1,607	9.7	2.1%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.4	+3.50%	1.0	18,562	15.0	4,003	10.3	0.8%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	75.6	+0.27%	0.9	182,419	44.9	6,110	12.4	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.3	+4.44%	0.8	6,226	12.1	1,999	7.7	15.7%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.4	+3.75%	1.0	38,195	107.4	2,353	5.3	4.0%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	45.6	+1.67%	0.4	28,427	12.1	4,420	10.3	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 10.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
2	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
3	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
4	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
5	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		–
6	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
7	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
8	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
9	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
10	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
11	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
12	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
13	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
14	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
16	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
17	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
18	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
19	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
20	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
21	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
22	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
23	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem
24	Equity 360 | Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn